

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ TP RẠCH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 753/TTYT-KD
V/v yêu cầu báo giá theo Thông tư
14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023.

Rạch Giá, ngày 07 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung Tâm Y tế Thành Phố Rạch Giá có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hóa chất xét nghiệm, test nhanh chẩn đoán và vật tư y tế, giai đoạn 2023-2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: TRUNG TÂM Y TẾ TP RẠCH GIÁ

Địa chỉ: 02 Âu Cơ – phường Vĩnh Lạc – TP Rạch Giá – Tỉnh Kiên Giang

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Lê Đào Thủy Tiên

Chức vụ: Nhân viên Khoa dược

Số điện thoại: 0359 022 562

Địa chỉ email: thuytienkgkg@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Y tế Thành phố Rạch Giá

Số 02 Âu Cơ - phường Vĩnh Lạc - TP Rạch Giá - Tỉnh Kiên Giang.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 07 tháng 8 năm 2023 đến trước 17h ngày 16 tháng 8 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hóa chất xét nghiệm, test nhanh chẩn đoán và vật tư y tế (Đính kèm các phụ lục).

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Trung tâm Y tế Thành phố Rạch Giá, số 02 Âu Cơ - phường Vĩnh Lạc - TP Rạch Giá - Tỉnh Kiên Giang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý IV/2023

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng, Trung tâm Y tế Thành phố Rạch Giá sẽ thanh toán theo từng đợt nhận hàng cho nhà thầu khi nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán kèm theo.

5. Các thông tin khác (nếu có).

Trung tâm Y tế Thành phố Rạch Giá kính mời Quý Công ty quan tâm gửi báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.



Nguyễn Văn Quý

DANH MỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM

(Kèm theo Công văn số 153/TTYT-KD ngày 07/8/2023 của Trung tâm Y tế TP Rạch Giá)

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I. Hoá chất xét nghiệm tương thích với máy huyết học Laser Nihon Kohden Celltac - Alpha (Hoá chất đồng bộ trên một thiết bị)				
1	Dung dịch pha loãng cho máy huyết học		ml	100.000
2	Dung dịch rửa cho máy huyết học		ml	20.000
3	Dung dịch ly giải cho máy huyết học		ml	2.000
4	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm huyết học 3 mức	Huyết thanh mẫu dùng làm nội kiểm chuẩn	ml	30
II. Hoá chất xét nghiệm Sinh Hoá tương thích với máy Tobo 270 (Hoá chất đồng bộ trên một thiết bị)				
1	Xét nghiệm định lượng ALT (SGPT)	Hóa chất xét nghiệm Định lượng ALT; phương pháp đo JSCC.	ml	1.500
2	Xét nghiệm định lượng AST (SGOT)	Hóa chất xét nghiệm Định lượng AST; phương pháp đo JSCC.	ml	1.500
3	Xét nghiệm định lượng Gamma-glutamyltransferase (GGT)	Hóa chất xét nghiệm Định lượng GGT; phương pháp đo IFCC	ml	1.000
4	Xét nghiệm định lượng Creatinine (Enzymatic)	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Creatinine (Enzymatic); phương pháp đo SOD/POD	ml	1.000
5	Xét nghiệm định lượng URE (Bun)	Hóa chất xét nghiệm Định lượng URE (Bun); phương pháp đo Urease/GLDH	ml	1.000
6	Xét nghiệm định lượng Acid uric	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Acid uric; phương pháp đo Uricase/POD	ml	1.000
7	Xét nghiệm định lượng Glucose	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Glucose; phương pháp đo PROD/POD	ml	10.000
8	Xét nghiệm định lượng HbA1C	Hóa chất xét nghiệm Định lượng HbA1C; phương pháp đo Latex turbidity.	ml	880
9	Chất chuẩn HbA1C	Tiêu chuẩn Hóa chất dùng tạo đường chuẩn cho xét nghiệm HbA1c, với 5 mức khác nhau. Được điều chế từ mẫu máu người đã qua ly giải;	ml	20
10	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HbA1C	Tiêu chuẩn Mẫu máu dùng nội kiểm tra cho xét nghiệm HbA1c. Được điều chế từ mẫu máu người đã qua ly giải;	ml	8
11	Dung dịch pha loãng HbA1c	Tiêu chuẩn Dung dịch ly giải hồng cầu (ly giải hemoglobin) dành cho chuẩn bị tiền xét nghiệm HbA1C	ml	3.000

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
12	Xét nghiệm định lượng H-Cholesterol	Hóa chất xét nghiệm Định lượng H-Cholesterol; phương pháp đo Inhibition/Direc;	ml	1.000
13	Xét nghiệm định lượng L-Cholesterol	Hóa chất xét nghiệm Định lượng L-Cholesterol; phương pháp đo Inhibition/Direc;	ml	1.000
14	Xét nghiệm định lượng Cholesterol	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Cholesterol;	ml	1.000
15	Xét nghiệm định lượng Triglycerides	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Triglycerides;	ml	1.000
16	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm bộ mỡ	Hóa chất dùng để tạo đường chuẩn cho các xét nghiệm mỡ máu: HDL/LDL/Tri/Choles	ml	2
17	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bộ mỡ	Mẫu huyết thanh dùng nội kiểm tra cho bộ xét nghiệm bộ mỡ (bao gồm HDL/ LDL/ TG/ CHO).	ml	2
20	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Sinh hóa (mức 1)	Tiêu chuẩn Huyết thanh mẫu dùng làm nội kiểm chuẩn được điều chế từ huyết thanh người ổn định hóa và đông khô. Có giá trị đo cho các xét nghiệm hóa sinh so màu, bộ mỡ (bao gồm HDL/LDL/TG/TC), bộ tuyến giáp(T3/Free T4/TSH), nội tiết tố sinh sản(Progesteron/Testosteron/Total Beta HCG....); ...	ml	15
21	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Sinh hóa (mức 2)	Tiêu chuẩn Huyết thanh mẫu dùng làm nội kiểm chuẩn được điều chế từ huyết thanh người ổn định hóa và đông khô. Có giá trị đo cho các xét nghiệm hóa sinh so màu, bộ mỡ (bao gồm TG/TC/LDL), bộ tuyến giáp (T3/Free T4/TSH), nội tiết tố sinh sản (Progesteron/Testosteron/Total Beta HCG....);....	ml	15
22	Dung dịch rửa Alkaline cho thiết bị	Dung dịch kiểm sử dụng để tẩy rửa thiết bị;	ml	5.000
23	Dung dịch rửa Acid cho thiết bị	Dung dịch acid sử dụng để tẩy rửa thiết bị;	ml	5.000
24	Hóa chất chuẩn Multi Calibrator cho xét nghiệm Sinh hóa	Tiêu chuẩn Hóa chất dùng tạo đường chuẩn cho các xét nghiệm thường quy: Đường (Glucose), Gan (AST; ALT; GGT); Thận (Urea, Creatinine). Được điều chế từ huyết thanh người ổn định và đông khô. Có giá trị đo cho các xét nghiệm hóa sinh so màu.....	ml	15
III. Hoá chất Điện Giải 4 thông số Na/K/Cl/Ca phù hợp với máy IoNEX/Jokoh				
1	Hóa chất bổ trợ xét nghiệm điện giải đồ	Hóa chất xét nghiệm điện giải	ml	1.880
2	Hóa chất bổ trợ xét nghiệm điện giải đồ	Hóa chất xét nghiệm điện giải	ml	560
3	Hóa chất bổ trợ xét nghiệm điện giải đồ	Hóa chất rửa cho máy xét nghiệm điện giải	ml	25

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
4	Điện cực Tham chiếu cho máy xét nghiệm điện giải đồ	Bộ điện cực Ref Electrode;	cái	2
5	Điện cực Natri cho máy xét nghiệm điện giải đồ	Bộ điện cực Na Electrode	cái	2
6	Điện cực Kali cho máy xét nghiệm điện giải đồ	Bộ điện cực K Electrode	cái	2
7	Điện cực Chloride cho máy xét nghiệm điện giải đồ	Bộ điện cực Cl Electrode	cái	2
8	Điện cực Canxi cho máy xét nghiệm điện giải đồ	Bộ điện cực Ca Electrode	cái	2
9	Vật tư hỗ trợ xét nghiệm điện giải đồ	Small packing sử dụng phù hợp trên máy điện giải IoNEX /Jokoh	cái	2
10	Vật tư hỗ trợ xét nghiệm điện giải đồ	Large packing sử dụng phù hợp trên máy điện giải IoNEX /Jokoh	cái	2
11	Chất kiểm chuẩn cho máy điện giải 4 thông số 3 mức		ml	2





DANH MỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ TEST NHANH CHẨN ĐOÁN VÀ VTYT

(Kèm theo Công văn số: 753 /TTYT-KD ngày 07/8/2023 của Trung tâm Y tế TP Rạch Giá)

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Test nhanh chẩn đoán HAV IgM (Card)	Phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan A. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh/Máu toàn phần Độ nhạy: 90,6%. Độ đặc hiệu: 97,6%	Test	2.000
2	Test nhanh chẩn đoán HBsAg	Phát hiện định tính kháng nguyên virus viêm gan B. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,9%	Test	1.200
3	Test nhanh chẩn đoán HCV	Phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C. Không sử dụng dung dịch đệm. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,2%	Test	800
4	Test phát hiện định tính xoắn khuẩn giang mai	Phát hiện định tính kháng thể vi khuẩn giang mai. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/ Huyết thanh. Độ nhạy 99%, độ đặc hiệu 99%	Test	200
5	Test thử Morphin/Heroin	Phát hiện định tính nhóm chất thuốc phiện Morphin-Heroin-Opiates trong nước tiểu Ngưỡng phát hiện: 300 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6%	Test	10.000
6	Test chất gây nghiện 5 chỉ số (Mor, MDMA, KET, Met, THC)	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + MDMA: 500 ng/ml + Ketamine: 1000 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6%	Test	800
7	Test nhanh chẩn đoán HIV	Phát hiện và phân biệt kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần	Test	700
8	Tube EDTA	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1ml, nắp nhựa màu xanh dương. Hóa chất bên trong là EDTAK2/ K3 kháng đông cho 2ml máu.	Tube	4.000

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
9	Tube Heparin	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa $6 \pm 0.1\text{ml}$, nắp nhựa màu đen. Hóa chất bên trong là Heparin Lithium kháng đông cho 2ml máu.	Tube	7.200
10	Tube Chimigly (Glucose)	Ống nghiệm nhựa kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa $6 \pm 0.1\text{ml}$, nắp nhựa màu xám. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Sodium Flouride và EDTA K2 cho 2ml máu.	Tube	12.000
11	Ống nghiệm nhỏ PS 5ml có nắp	Ống nghiệm nhựa PS trong suốt, kích thước 12 x 75mm, có nắp,	Tube	14.000
12	Lọ nhựa PS 55ml có nắp	Lọ nhựa PS trong suốt, dung tích 55ml, nắp nhựa màu trắng, có nhãn	Lọ	10.000